BAO THÁNG TƯ RỒI?

Lê Kim Nga, K 27/ 1

Ai đi day dứt niềm riêng
Ai về khắc khoải oan khiên chuyện đời
Tháng Tư... Ai đã khóc? Cười?
Ai buồn lặng lẽ nhìn đời cuốn trôi

Tháng Tư... Bao tháng Tư rồi?
Thiên đường sụp đổ, tình người hoang mang
Quẩn quanh còn đó bàng hoàng
Niềm đau trỗi dậy, ngỡ ngàng không anh?

Tháng Tư... Đen nhuộm trời xanh
Trần gian ngơ ngác, phố thành đổi tên
Đắng lòng, ôi tháng Tư đen
Làm sao quên được lấm lem mỗi đời

Tháng Tư... Rơi xuống phận người
Nỗi đau còn đó vạn đời còn đau
Tháng Tư giết chết đời nhau
Hằn từng vết sẹo đêm sâu trở mình

Tháng Tư... dẫm nát cuộc tình
Một đời âm ĩ giọt tình chưa vơi
Tháng Tư bao tháng tư rồi?
Trái tim trĩu nặng, môi cười lệ rơi...

(4/2020)

HỒI KÝ

MỘT THỜI TRUÂN CHUYÊN

Bà Quả Phụ Hà Ngọc Bích, K15/1

Mỗi năm đến ngày 30 tháng Tư là tôi lại nhớ đến những kỷ niệm của một quá khứ hãi hùng, đau thương nhất trên đời, tôi không bao giờ quên.

Sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, ngày lịch sử đau thương, điêu tàn của dân tộc Việt Nam và của người dân Miền Nam, của những người đã trải qua thời kỳ hưng thịnh, sống an vui thái bình dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, phút chốc sụp đổ, lôi cuốn theo biết bao đau thương, tang tóc, cha mẹ mất con, vợ mất chồng, người dân tản mát khắp nơi. Hàng vạn, hàng triệu người phải rời bỏ quê hương, ra đi tìm Tự Do. Biết bao người không may đã bỏ mình trên biển cả, rừng sâu, bị bắt bớ, tù đầy, vì không muốn sống dưới chế độ Độc Tài Cộng Sản.

Trước ngày 30 tháng Tư năm 1975, khi các tỉnh lần lượt rơi vào tay các lực lượng trong chế độ độc tài Cộng Sản, khi các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa nhận lệnh buông súng đầu hàng, cởi bỏ chiến y; quân cán chính ngơ ngác, tình hình rối ren, những người đã xả thân bảo vệ quê hương không có lối thoát, đành ấp ủ những nguyện ước chưa thành, danh chưa toại đem theo đến cuối cuộc đời!

Thời thế đổi thay, những người mang danh "giải phóng"

Miền Nam, từ trên xuống dưới tha hồ chia nhau các chức vụ ngon lành, rủ nhau vơ vét, chiếm đoạt những tài sản kếch xù của nhân dân miền Nam. Họ bắt đầu thanh trừng, trả thù những quân nhân Việt Nam Cộng Hòa bằng đủ mọi cách, vô lương tâm, vô đạo đức, tàn bạo, độc tài.

Chúng bắt buộc các quân nhân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, từ cấp úy trở lên phải trình diện tại các phường, khóm nơi cư ngụ trong thời hạn một tuần.

Chồng tôi bàn với tôi nên đem các con về sống với gia đình bên Nội các cháu nên chúng tôi thu xếp gia đình, vợ chồng con cái dời Vũng Tàu về Saigòn. Tình thế lúc đó thật rối ren, chúng tôi chưa kịp thích ứng với hoàn cảnh và đời sống mới thì Công An Phường gửi giấy mời anh Bích lên Phường làm việc.

Ngày 15/5/1975, họ bắt chồng tôi phải trình diện ở trường học,với luận diệu lường gạt khi nói chỉ cần đem vài bộ quần áo, ít thức ăn cho đủ một tháng. Tạm sống với gia đình bên Nội nên chúng tôi cũng chẳng có gì. Tôi chỉ gom góp được ít tiền mua bánh kẹo, vài thứ thuốc cảm, thuốc bổ, chai dầu nóng, vài bộ quần áo, ít thức ăn, nhét thêm chiếc áo len và dúi cho anh ít tiền. Tôi dẫn theo đứa con gái nhỏ, cùng chồng tôi đến trình diện.

Mẹ con tôi đứng ở ngoài, dưới gốc cây chỉ bưng mặt khóc. Cho đến tối khuya, hai mẹ con dắt tay nhau ra về, lòng ngao ngán, bơ vơ, không biết rồi đây cuộc sống mẹ con chúng tôi sẽ ra sao? Có tin được lời hứa của những tên Công An phường không? Chồng tôi có được về nhà sau một tháng không?

Vắng chồng, con còn nhỏ dại, mới ngoài 30 tuổi đầu, hoàn cảnh thay đổi trong một sớm một chiều, phải sống dưới chế độ Cộng Sản độc tài, tàn ác, bất nhân, tôi phải nai lưng ra ngoài tìm cách buôn bán để nuôi các con.

Ngày qua, tháng lại, trông mong mãi mà chồng tôi vẫn chưa được về!

Tá túc trong gia đình của ông Nội các cháu nên gia đình tôi không có hộ khẩu, không được mua nhu yếu phẩm quốc doanh, phải mua chợ đen. Thời gian này tất cả người dân đều lâm cảnh túng cùng, thảm sầu, gạo không có ăn. Họ bán toàn gạo mốc, bo bo, thịt cá, vải vóc qua quốc doanh theo khẩu phần. Lúc đầu tôi tìm cách buôn bán, chạy hàng sách, bán mua kiểu nước bọt, ai đưa gì, bán đó, kiếm tiền nuôi con.

Một hôm, có mấy tên Công An phường đến tận nhà bắt buộc gia đình tôi phải đi miền kinh tế mới.

Tôi biết đi vùng kinh tế mới đời sống rất khó khăn, cực khổ! Chồng thì đi cải tạo, các con còn quá nhỏ, tôi nhất định không chịu đi, yêu cầu để tôi ở lại tìm việc làm.

Tạm thời, tôi luộc khoai, bắp, cho con gái lớn ngồi bán trước cửa nhà. Bà con lối xóm thương cảm mua ủng hộ, mẹ con chúng tôi rau cháo qua ngày. Tôi tìm cách liên lạc với các chị em đồng cảnh ngộ, giúp đỡ lẫn nhau. Tôi được giới thiệu gặp bà Tổ Trưởng Đan Len,. Bà có 3 người con đều bị đi tù "cải tạo", nên bà thâu nhận toàn các bà vợ sĩ quan vào tổ hợp. Có việc làm, gia đình tôi không bị đi vùng kinh tế mới nữa.

Đợi ba, bốn tháng chồng tôi vẫn chưa về, chúng tôi, mấy bà vợ tù "cải tạo" rủ nhau tụ tập trước cửa Tòa Đô Chính, la ó, phản đối, giăng biểu ngữ, đòi thả chồng chúng tôi về, cho chúng tôi được gặp mặt chồng. Mặc cho họ dùng đủ mọi cách dẹp chúng tôi. Họ xịt nước, lôi kéo, dọa nạt, mạt sát cũng không giải tán được chúng tôi. Sau cùng họ lôi chúng tôi ném lên xe Cam Nhông chở về giam ở Mạc Đỉnh Chi. Họ tẩy não, đe dọa, giảng giải, khuyên can chúng tôi đủ điều cho tới tối mới thả chúng tôi về. Thời gian này cuộc sống của mẹ chúng con tôi rất chật vật, vất vả, lo lắng, tinh thần rất căng thẳng.

Sau 3 tháng, có người tử tế, đến đưa cho tôi mảnh giấy nhầu nát, nhặt được trên đường đi, trên đó có mấy chữ "Long Giao". Vậy là mẹ con tôi biết tin anh đang bị giam ở trại tù Long Giao. Tôi đến Phường xin cấp giấy phép đi thăm chồng,

lấy lý do gặp chồng để xin cho bán xe. Chuẩn bị đi thăm, tôi tìm trong nhà xem có gì có thể bán được, lấy tiền mua các thức ăn, những thứ có thể ăn dè, để lâu ít ngày được: Nước mắm kho quyẹt, muối mè, mì ăn liền, thịt ngâm nước mắm. Lục lọ, tôi tìm ít thuốc còn lại, vài viên Tylenol, thuốc đau bụng, vài viên thuốc bổ dở dang, chai dầu còn một nửa, có gì đem nấy.

Sáng sớm hôm sau tôi dặn con gái lớn ở nhà trông các em để tôi đến bến xe mua vé đi Long Giao thăm chồng. Đến bến xe đã thấy người ta xếp hàng dài đợi mua vé mà vé chỉ bán có giờ, nếu không đến lượt phải mua vé chợ đen đắt gấp 3 lần! Mua một vé cũng đã không kham nổi, lấy đâu tiền mua vé chợ đen? Suy tính mãi, cuối cùng tôi cũng phải bóp bụng mua cho được một vé, mọi chuyện tính sau.

Lên xe mọi người ngồi chen chúc chật trội cũng phải ráng chịu. Sau hai giờ, xe tới Biên Hòa, tôi xuống xe, hỏi thăm dân chỉ đường đến Long Khánh. Họ nói phải đi bộ khoảng một giờ đồng hồ mới đến Trại Long Giao. Hai tay sách 2 túi tiếp tế cho chồng, tôi đi bộ dưới trời nắng gay gắt, khát nước, mồ hôi chảy nhễ nhại, đi một quãng lại đứng nghỉ một lúc. Đến gần quãng đồng mông mênh, nhìn thấp thoáng thấy người thì vác cây, người gánh nước, gánh rau, tôi cất tiếng hỏi vọng:

- Có ông Hà Ngọc Bích ở đây không?

Không nghe ai trả lời. Tới gần hơn, tôi tiếp tục hỏi, nhưng ai cũng lắc đầu.

Trời sắp tối, hết hy vọng, tôi đành quay trở về, lấy cho con ăn các thứ đem về. Tháng sau, tôi lại đi thăm, đến nơi hỏi vọng mấy ông xem có biết Hà Ngọc Bích không. Có một ông dơ tay vẫy. Tôi vội vàng đến gần bụi cây, dấu 2 túi thức ăn và chỉ cho ông chỗ để. Đã quen cách thức của mấy bà vợ thăm nuôi chồng rồi, nên sau giờ lao động, ông ấy ghé qua, lén lấy đem về trao cho anh Bích. Những người bạn tù rất thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ, chia sẻ cho nhau, ai nhận được đồ tiếp tế trước thì chia cho các anh em khác ăn cùng, lần sau, người

khác nhận được quà cũng sẽ chia lại. Tôi cứ đi thăm lén, mỗi tháng một lần, may thì gặp, không thì lại về.

Sau 5 tháng, tôi được Công An Phường gọi lên, chính thức cấp cho giấy phép đi thăm nuôi ở Suối Máu 5 tháng một lần.

Rồi chồng tôi lại bị chuyển đến trại Bù Gia Mập, nên tôi cứ phải lẽo đẽo, đi thăm chồng. Tôi lại tiếp tục gom góp, dành dụm tiền bạc, tìm cách buôn bán kiếm thêm tiền mua thức ăn thăm nuôi chồng. Mỗi lần thăm phải đi bộ cả ngày mới đến nơi, phải nộp giấy xin thăm. Tới chiều tối, họ cho phép thân nhân được ở lại trong phòng tạm qua đêm, kể sao cho hết chuyện! Tôi cố giữ vững tinh thần, dặn dò, an ủi, khuyến khích cho anh lên tinh thần. Sáng hôm sau các ông phải trở lại lao động, còn các bà vợ và thân nhân phải ra về, lại lội bộ, tìm cách ra về bằng đủ phương tiện có thể. Lúc về thì nhẹ tênh, vì bao nhiêu thứ dồn hết cho chồng.

Đi thăm vài lần, mấy bà vợ đồng cảnh ngộ kết thân với nhau, rủ nhau đi cùng, nếu ai có con nhỏ hay gặp khó khăn, túng thiếu, không thể đi thăm nuôi đúng kỳ thì chúng tôi thay phiên, giúp đỡ, ai đi được thì mang dùm. Chúng tôi còn rủ nhau mướn xe đi chung cho đỡ tốn phí và đi đường xa có bạn.

Có lần 4 chị em bạn chúng tôi đi thăm nuôi vào mùa mưa lớn, quần áo ướt đẫm nhưng vẫn phải tiếp tục đi.

Một chị bị ướt, yếu sức, bị cảm lạnh, đã quỵ xuống ngất đi. Chúng tôi xúm lại thoa dầu, cho uống nước, cạo hai bên Thái Dương, lay cho chị tỉnh lại, nhưng không thấy chị mở mắt. Mấy người dân đi qua dừng lại, tìm cách cứu chữa nhưng đã trễ, thật tội nghiệp, chị đã ra đi. Chúng tôi nhờ những người dân ở đây giúp đỡ, báo Công An để họ lo mọi chuyện. Chúng tôi nhìn nhau đau sót nhưng đành phải tiếp tục đi, vì đường còn dài, phải mau bước trước khi trời tối. Khi đến nơi thì trời cũng vừa tối, mệt mỏi, các thứ mang theo cũng bị ướt hết, phải rũ hết ra, đem hong cho khô bớt. Chúng tôi tìm chỗ ngủ, nghỉ ngơi, đợi sáng vào thăm chồng.

Sáng hôm sau tại phòng đợi, họ gọi từng người ra gặp vợ hoặc thân nhân. Chúng tôi đã bàn với nhau về trường hợp chị bạn đã chết dọc đường, không biết phải nói sao khi ông chồng ngóng chờ chị thăm nuôi mà không thấy? Chúng tôi bảo nhau, mỗi người bớt ít phần quà của ông xã mình, gom lại đưa cho ông và nói là kỳ này chị không khỏe nên nhờ chúng tôi đem dùm ít thức ăn cho ông.

Đến tối, trời thì lạnh, phần thương chồng, phần ngao ngán nghĩ tới cảnh đường xá xa xôi, vất vả, đi đường cực khổ, sáng hôm sau chúng tôi lại phải chia tay các ông chồng ra về, sáu tháng sau mới được gặp lại! May quá, chúng tôi gặp ông tài xế tử tế, thông cảm nghĩ ra một cách, báo cáo xe hỏng, máy không nổ, còn đang sửa chưa xong. Lấy cớ đó, chúng tôi vào báo với cán bộ, dúi cho hắn bao thuốc lá, tả oán một lúc, hắn đồng ý cho ở lại qua đêm, nên các ông được thêm một ngày một đêm với vợ.

Mỗi chuyến đi thăm tôi phải mất 3 ngày, một ngày đi, một ngày ở lại, một ngày về. Cảnh nhà thiếu hụt, mỗi lần thăm nuôi trong nhà có bao nhiêu đều dốc hết, mẹ con lại tiếp tục ăn dè, hà tiện, gom góp chờ ngày thăm nuôi kế tiếp. Tôi đến

Phường xin giấy phép thăm nuôi, mỗi lần là có mỗi lý do. Xin phép gặp chồng 2 lần để bán xe. Chúng tôi có đứa con gái, lúc đó nó mới 9 tuổi, lấy cớ xin phép gặp chồng để bàn chuyện cưới gả! Những ngày mới vào miền Nam, mấy tên Cán Ngố không biết chúng tôi bịa chuyện nên qua mặt họ dễ dàng.

Mỗi lần chuẩn bị đi thăm chồng, thằng con trai tôi cứ khóc đòi đi đến nhà Bố ở! Vì nó thấy tôi chuẩn bị nhiều thức ăn, kho nấu, nào thịt heo, mắm kho, mì ăn liền, trong khi ở nhà chị em chúng không được ăn những thứ đó.

Sau lần thăm này, nhóm của chồng tôi gồm 3 ông bàn nhau tổ chức trốn trại. Họ đã âm thầm lên kế hoạch, trên đường tẩu thoát, không may bị lộ. Một ông bị bắt, bọn chúng lôi ra cột cờ xử bắn, hai ông may mắn trốn thoát được. Còn chồng tôi không dám theo vì thấy nguy hiểm, sợ thất bại! Vì vậy họ canh chừng chồng tôi rất nghiêm ngặt. Nhất cử, nhất động, chúng theo rõi chặt chẽ, nên thời gian đó tinh thần chồng tôi rất căng thẳng!

Ba năm sau, chồng tôi lại bị chuyển đến trại A30 ở Tuy Hòa. Nơi đây Công An canh gác rất nghiêm ngặt, đường đi thăm nuôi xa xôi hơn, phải đi bằng tầu lửa. Tôi tìm trong nhà có bao nhiêu áo quần, phấn son trước kia chồng tôi đi tu nghiệp ở Mỹ mua cho tôi, đem ra bán hết lấy tiền mua vé xe lửa, thức ăn, thuốc men, chuẩn bị đi thăm chồng. Lên xe lửa thì chật chội, tôi phải ngồi co cẳng lên, hàng hóa ngổn ngang, chất đầy, nào gà, vịt, rau, trái, gánh gồng, trong tầu đủ mùi bay lên đến ngộp thở.

Tầu đi một ngày mới tới ga Tuy Hòa. Tôi xuống tầu hỏi thăm, người dân ở đây họ đoán các bà có chồng đi "cải tạo" nên thương hại chỉ lối rõ ràng và cho biết tôi phải đi bộ thêm nửa ngày nữa mới tới. Vì lần đầu đến đây, chưa biết đường đi nước bước ra sao, trong tương lai không biết tôi có còn đi thăm được nữa không nên tôi cố tình mặc áo quần rộng để dấu thêm các thứ.

Trên đường đi, gặp xe chở cây thì thuê họ chở cho một quãng, gặp người dân gánh gồng, tôi lại thuê gánh đỡ, lúc không có ai để nhờ tôi phải đi bộ. Cứ đi một quãng lại đứng nghỉ một lúc, cứ lê kéo dần. Nếu có các bà cũng đi thăm chồng thì chúng tôi giúp đỡ, trông chừng, canh giữ đồ đạc cho nhau.

Khi đến nơi thì trời đã tối, hết giờ cho thăm, chúng tôi tiết kiệm tiền, không thuê chỗ nằm của chủ quán, rủ nhau tìm khoảng đất trống nghỉ mệt, ngủ qua đêm, đợi trời sáng.

Sáng hôm sau, tới giờ cho thăm, mọi người xếp hàng, nộp giấy phép thăm nuôi, đợi độ 30 phút, có tên Công An ra gọi:

- "Ai là người nhà Hà Ngọc Bích?"

- "Tôi đây."

Họ đưa tôi vào phòng trong, trên một cái bàn gỗ dài, có tên Công An ngồi ở đầu. Phía trong, trước mặt tôi, một ông tóc dài, râu ria rậm rạp, gương mặt gầy ốm. Trong chốc lát, tôi mới nhận ra đó là chồng tôi. Vì Công An ngồi canh nên chúng tôi chỉ nhìn nhau thương cảm, nghẹn ngào không nói lên lời, nước mắt thay nhau tuôn trào. Anh đưa hai tay nắm chặt tay tôi không rời. Một lúc sau, anh hỏi thăm các con, hỏi chuyện nhà ra sao? Tôi chỉ trả lời rằng các con vẫn khỏe và khuyên anh chịu khó học tập cho tốt để mau được về.

Sau hơn 5 năm tù đầy, cuối cùng họ cũng thả chồng tôi về. Nhờ gia đình bên chồng tiếp tế, gửi tiền, gửi đồ và các bạn Khóa 15 ở nước ngoài rủ nhau giúp các bạn cùng khóa còn kẹt lại, mỗi gia đình một gói quà 2 pounds. Lúc đó chồng tôi và các bạn cùng khóa rất vui mừng, cảm động, vì một miếng khi đói bằng gói khi no, giúp chúng tôi lên tinh thần. Những lúc này mới hiểu "Tình Tự Võ Bị, Huynh Đệ Chi Binh" thật cao cả và ý nghĩa. Tất cả các gói quà đó được các bạn ủy thác cho một người bạn phụ trách đóng gói, cùng tên, cùng địa chỉ nên bọn Cán Bộ nghi ngờ các món quà này do một tổ chức kháng chiến ở nước ngoài gửi về. Họ điều tra, gạn hỏi, gây khó khăn phiền phức, nên các anh đã nhắn các bạn ngưng gửi! Nhưng vì

tình đồng khóa, "Tình Tự Võ Bị" khắng khít, các bạn lại tìm cách gửi tiền chui về. Mỗi năm khi Xuân sắp về, Tết sắp đến, gia đình tôi, gia đình các bạn và cả gia đình vợ con các bạn cùng khóa đã hy sinh đền nợ nước cũng nhận được quà.

Sau khi gia đình tôi đến định cư ở Tiểu Bang California, Tình Tự Võ Bị lại được thể hiện, gia đình chúng tôi được các bạn cùng khóa đón tiếp, hỏi thăm, hướng dẫn, thay phiên nhau tình nguyện giúp đỡ, mách bảo những kinh nghiệm của những người đi trước, dẫn dắt làm các thủ tục giấy tờ cần thiết để thích nghi với cuộc sống mới. Các anh còn liên lạc với các anh em, Niên Trưởng, Niên Đệ đến thăm hỏi, tay bắt mặt mừng. Chồng tôi may mắn được anh bạn cùng khóa giúp đỡ, giới thiệu và được thâu nhận vào làm việc cùng sở với anh. Công việc thoải mái, thích hợp với khả năng, lương bổng và quyền lợi được ổn định.

Những lúc thảnh thơi, vui vẻ, vợ chồng chúng tôi thường nói chuyện xưa và hỏi nhau:

- Giá như anh còn ở lại Việt Nam thì những năm sau này sống dưới chế độ Cộng Sản, anh sẽ làm gì để nuôi gia đình, vợ con? Các con chúng mình có được đi học không? Có được thành công và tương lai sự nghiệp có được như hiện tại không?

- Tạ Ơn Trời! Vợ chồng chúng tôi chỉ nói lên câu.

Giờ đây anh Bích đã yên nghỉ ngàn thu, đã thanh thản về Miền Cực Lạc, xa vợ con, gia đình, bạn bè. Tôi nghĩ với bản chất hiền lành, quí mến bạn bè, thân thiện với mọi người, lúc sống, anh luôn có mặt trong hầu hết các sinh hoạt, tổ chức, họp khóa. Anh luôn nhường nhịn, quí mến các bạn cùng khóa, cùng trường, trên kính, dưới nhường. Tôi chắc anh linh thiêng sẽ phù hộ cho vợ và các con anh cùng tất cả anh em đồng khóa, đại gia đình Võ Bị luôn thương yêu nhau, tìm đến nhau để cùng nhau ôn lại kỷ niệm dưới trường mẹ, kể cho nhau những chiến công hiển hách lẫy lừng của chàng trai Võ Bị.

San Jose, Tháng Tư, 2020

Vài Nét Về
Khóa 20 - Nguyễn Công Trứ *

Võ Nhẫn K20.

(Tiếp theo)

Lần theo năm tháng, chúng tôi đã trưởng thành, những cấp chỉ huy can trường, tham dự các trận đánh lớn, mang lại những chiến công thật hào hùng, lẫy lừng. Tháng 4 năm 1972, khi trận đánh An Lộc xảy ra, Vũ Quý Ánh - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 1/7 và Trần Lương Tín - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2/7 cùng các bạn đồng khóa Lê Văn Nam, Trương Phúc, Phạm Gia Quang,… đã chiến đấu quyết liệt cho đến khi 4 Công Trường 5 (3), Công Trường 7, Công Trường 9 và Công Trường Bình Long của Cộng Quân đã thảm bại, nên phải rút khỏi thị xã An Lộc.

Những chiến xa T54, PT76 thuộc khối Cộng nằm ngổn ngang, bất động trên các đường phố, trên hàng rào kẽm gai ở các căn cứ quân sự… là những bằng chứng hùng hồn cho

sự thất bại ê chề của chúng. Tuy nhiên, không có chiến thắng nào mà không phải trả bằng máu xương của những chiến sĩ can trường nơi trận địa. Các bạn Trần Văn Hải, Tiểu Đoàn Trưởng của Sư Đoàn 7 Bộ Binh cũng đã hy sinh vào ngày 30 tháng 12 năm 1974 và bạn Nguyễn Văn Ba, Tiểu Đoàn Phó thuộc Trung Đoàn 11, Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã anh dũng hy sinh vào ngày 12 tháng 2 năm 1975 tại quận Hậu Mỹ, tỉnh Kiến Tường... Còn Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Hữu Phước ... thì để lại một phần máu, xương trên chiến địa, đã tô thắm màu cờ, sắc áo của đơn vị.

Cuộc chiến 12 ngày đêm của tuyến thép Xuân Lộc thì Khóa 20 vẫn bên cạnh đồng đội, giữ chặt tay súng ở tuyến đầu lửa, đạn. Cộng quân tung vào chiến trường 3 sư đoàn hầu áp đảo Sư Đoàn 18 Bộ Binh và một lữ đoàn Dù. Nào các chiến hữu Nguyễn Khắc Tung, Lưu Văn Cầm, Lê Văn Phương, Nguyễn Tống Tiến, Vương Mộng Long, Hoàng Đình Hiệp, Hoàng Đình Đạt… hiên ngang chống trả lại quân thù, giữ vững tuyến thép Xuân Lộc cho đến khi có lệnh triệt thoái…

Trong giờ phút cuối cùng của cuộc chiến, Hoàng Đình Đạt đã trả nợ núi sông bằng thân xác của mình. Anh được phép rời đơn vị trước khi cuộc chiến khởi sự nhưng vì trách nhiệm, anh ở lại để chia xẻ những gian lao, nguy hiểm với các chiến hữu, đồng đội của mình. Phải chăng anh vô cùng hạnh phúc khi phải ngã gục, rồi an nghỉ trên quê hương đất tổ của mình? Chỉ vài hôm sau, bạn Hoàng Đình Hiệp trong bộ quần áo dân sự vô cùng gian nan, vất vả trở lại chiến trường cũ để tìm thân, xác của người bạn đồng khóa rồi trao cho bà quả phụ Hoàng Đình Đạt lo việc mai táng vào những ngày uất hận, tang tóc nhất của đất nước.

Cũng vào thời khắc này, bạn Tôn Thất Trân, tiểu đoàn trưởng, vẫn tiếp tục chiến đấu trên chiến trường Hậu Nghĩa cho đến chiều ngày 30 tháng 4 năm 1975 mới bị Cộng quân bắt, rồi đem anh đi thủ tiêu…

Ngay tại Thủ Đô Sài Gòn, những chiến hữu Nguyễn Hữu Mạnh - Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn 87 BĐQ, Trịnh Trân - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 34 BĐQ, Nguyễn Văn Nam - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 84 BĐQ, Nguyễn Văn Măng - Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 9 BĐQ cùng với các chiến hữu Trần Công Hạnh- Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù, Nguyễn Văn Nghiêm - Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù... vẫn tiếp tục chiến đấu khi có lệnh buông súng của Dương Văn Minh. Họ không chấp nhận đầu hàng giặc nhưng rồi đành ôm hận mà giã từ vũ khí vì sự an nguy cho sinh mệnh của các chiến hữu lẫn đồng bào ruột thịt... trong vùng trách nhiệm của họ.

Về đến tận quận Đầm Dơi, Cà Mâu, chiến hữu Huỳnh Túy Viên, quận trưởng không chấp nhận bàn giao quận đường theo lệnh của Dương Văn Minh. Cộng quân đã căm thù từ lâu. Nay anh vẫn cương quyết tiếp tục chiến đấu đến cùng. Khi bắt được anh, chúng đánh đập, hành hạ, cởi hết quần áo rồi trói anh vào cột cờ của quận đường suốt ngày đêm cho muỗi đốt, rồi chúng mới đem anh đi xử bắn. Không nao núng, trước những họng súng nhắm vào, anh hiên ngang nhìn thẳng vào mặt quân thù. Máu của anh đã chảy thắm đất Đầm Dơi mà anh hằng yêu mến. Chúng còn hành hạ, trả thù vợ và các con của anh. Chúng bắt họ phải vào sống ở vùng lam sơn, chướng khí để khai hoang, làm rẫy, mà chúng gọi là vùng kinh tế mới! Chúng tôi đã thường xuyên theo dõi, tìm kiếm hầu liên lạc với vợ, con của anh nhưng chưa thể liên lạc.

Mãi 38 năm sau, chúng tôi mới liên lạc được với bà quả phụ Huỳnh Túy Viên và các con, vẫn còn chịu đựng cuộc sống đầy gian nan, kham khổ, quây quần bên nhau ở vùng đầm lầy, nước đọng. Nhằm giúp đỡ gia đình của bà Viên thoát khỏi cảnh khốn cùng này, chúng tôi đã cấp tốc gởi cho bà một số tiền để mua đất, làm nhà gần thị tứ cùng vốn để kinh doanh, sinh sống.

Nhân buổi họp khóa ở San Jose, Bắc California, chúng tôi đưa hoàn cảnh gia đình chị Viên ra thảo luận. Tất cả đồng môn

tham dự buổi họp đã hăng hái tự nguyện đóng góp, giúp đở gia đình của chị. Tổng số tiền giúp đỡ đã hơn $10,000.00 (mười ngàn đô la). Đồng thời, buổi họp cũng yêu cầu đại diện khóa lập hồ sơ cho chị để xin tỵ nạn chính trị theo diện có chồng chết sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Công việc đang tiến hành tốt đẹp thì chị từ trần vì bệnh. Thật buồn!

Những sĩ quan xuất thân từ K20 đã chiến đấu khắp mọi miền của đất nước, kể cả hải đảo xa xôi.

Đầu tháng Giêng năm 1974, chính quyền Hoa Kỳ đề nghị với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I Quân Khu 1 nên thiết lập một sân bay cho các loại vận tải cơ C123, C119, DC3, hoặc DC4 trên đảo Hoàng Sa. Họ sẽ yểm trợ tài chánh, vật liệu cùng kỹ thuật cho công tác này. Đây là ước muốn từ lâu của Quân Đoàn I nhưng không có đủ ngân khoản và phương tiện lẫn kỹ thuật. Do đó, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn đã cử Thiếu Tá Phạm Văn Hồng hướng dẫn một toán Công Binh của Quân Đoàn I và ông G. Kosh, một nhân viên của lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Đà Nẵng ra Hoàng Sa nghiên cứu thiết lập sân bay cho các loại vận tải cơ. Ông G. Kosh nguyên là trung úy thuộc Lực Lượng Đặc Biệt của quân đội Hoa Kỳ.

Ngày 15 tháng 1 năm 1974, Tuần Dương Hạm Lý Thường Kiệt HQ 16 chở phái đoàn của Thiếu Tá Phạm Văn Hồng từ Đà Nẵng ra Hoàng Sa. Chỉ 4 hôm sau, ngày 19 tháng Giêng năm 1974, trận hải chiến giữa ta và kẻ xâm lược Hoàng Sa của quân cướp biển Trung Cộng đã bùng nổ. Hoàng Sa thất thủ, Thiếu Tá Hồng bị bắt làm tù binh.

Theo dõi, quan sát cuộc chiến cùng những vật liệu của G. Kosh đã mang theo, lẫn cách đối xử của Trung Cộng với đương sự, Thiếu Tá Hồng nhận định việc Hoa Kỳ yêu cầu xây dựng phi trường trên Hoàng Sa chỉ là một cái bẫy do cả Hoa Kỳ lẫn Trung Cộng đồng chủ mưu "gầy dựng", mà nạn nhân chính là Việt Nam Cộng Hòa. Hơn thế nữa, lúc cuộc chiến diễn ra thì Hạm Đội 7 của Hoa Kỳ đang ở trong vùng Hoàng

Sa nhưng họ đã "án binh bất động" dù có lời yêu cầu yểm trợ của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa! Đây là chỉ dấu mở đầu cho một thảm họa đang từ từ đổ xuống đầu dân tộc Việt.

Hoàng Sa thất thủ, Thiếu Tá Hồng bị quân Trung Cộng bắt giam. Chúng đã giữ ông 29 ngày trên đất Trung Hoa rồi mới trả tự do. Trở về quê hương, nhằm lưu ý chính quyền về các âm mưu đen tối của ngoại bang, Thiếu Tá Hồng đã viết lại biến cố này với đề tài "*Hoàng Sa Nổi Sóng*", hơn 300 trang giấy với đầy đủ mọi chi tiết nhưng Bộ Dân Vận Chiêu Hồi đã không cho xuất bản với lý do không thích hợp trong giai đoạn này! Ôi, thân phận của quốc gia nhược tiểu!

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, bạn Hồng cũng bị giam trong lao tù Cộng Sản. Khi ra khỏi nhà tù nhỏ, anh lại quyết đưa gia đình vượt thoát khỏi nhà tù lớn Việt Nam. Anh gặp được Vũ Tuấn Việt, bạn cùng khóa, cùng nhau mua máy, đóng tàu để thực hiện ước muốn của mình. Anh đã thất bại đến 25 lần.

Tuy nhiên, số lần vượt biên của anh còn kém xa một người bàn đồng khóa, đó là Nguyễn Cao Nghiêm vượt biên đến lần thứ 33 mới thành công. Khi bị bắt trong một lần vượt biên, Việt nhảy xuống sông Thị Vải thoát nạn. Còn Hồng đã bị bắt vì tội vượt biên nhưng khai tên khác có nghề nghiệp là thợ hớt tóc! Ban đầu, anh bị giam ở Bà Rịa về sau được chuyển lên trại giam B9, Biên Hòa. Nhờ nghề hớt tóc, anh được chuyển lên một trại lẻ gần đập thủy điện Trị An. Theo quan niệm "*ở đâu nguy hiểm nhất cũng là nơi an toàn nhất*", anh đã quan sát, nghiên cứu, "soạn thảo" và chuẩn bị một kế hoạch vượt ngục ngay trước mặt bọn công an! Đây là cơ hội để anh thi thố tài năng cũng như dũng khí của mình, đánh lừa bọn công an rồi vượt ngục tù Cộng Sản một cách hiên ngang ngay tại cổng chính! Sau khi điều tra, nghiên cứu kỹ, anh đã quyết định:

"Khoảng 4 giờ sáng, nhìn ra cổng chính, tôi thấy có hai, ba bóng người đi qua lại nơi vọng gác. Đây là giây phút quyết

định. Men theo bóng tối, tôi đi thẳng ra vọng gác cửa chính. Cũng may là thời gian đó điện đóm còn thô sơ lắm. Tôi lên tiếng chào hỏi bằng giọng Bắc Kỳ rặt của tôi:

- Mấy đồng chí vừa đổi gác hả?

- Đi đâu sớm vậy?

- Về thành phố đây. Tối hôm qua nhận được điện của nhà từ thành phố gọi đến có việc khẩn trương trong gia đình, cả đêm nóng ruột quá không ngủ được. Hôm nay xui quá, nhằm ngay ngày đóng đập, biết là xe chở khách bị cấm nhưng cũng phải đành liều ra đi rồi đón xe cơ quan nào thì đón. Nếu không, đành cuốc bộ ra xa lộ, tới đâu hay tới đó.

Miệng vừa nói, chân vừa bước, cứ tỉnh queo như mình cũng là một trong những chú bò vàng vậy.

……

Trong mấy giây ngắn ngủi và đầy mạo hiểm ấy, tôi đã bước ra ngoài cổng chính, rẽ trái và điềm tĩnh rảo bước về xa lộ…

Mới đi được chừng năm trăm thước trên đoạn đường độc đạo vắng hoe này thì từ xa phía sau lưng có ánh sáng của cặp đèn pha xe hơi chiếu tới. Tôi mừng như mở cờ trong bụng, thản nhiên dừng lại, vẫy xe theo cán ngố Bắc Kỳ, tay cứ nâng lên hạ xuống lia chia để chặn xe ngừng lại… Người tài xế thò mặt ra cửa kiếng, cất tiếng hỏi:

- Đồng chí đi đâu đây?

- Mình muốn đi thành phố. Hôm nay xui quá, xe dân không có. Đồng chí cho tớ quá giang được đoạn nào hay đoạn ấy.

… rất may, anh tài xế lại cho hay sẽ có 6 chiếc của đoàn công tác 26 sẽ lên thành phố nhận xi măng. Anh ta bảo:

- Đồng chí đừng lo, lát nữa tới trạm công an, đồng chí xuống đó chờ, tôi sẽ nhờ công an chặn đoàn xe này lại cho đồng chí đi tiếp…

Đến trạm công an, người tài xế bảo tôi xuống xe rồi ngoái

cổ dặn công an như anh đã nói với tôi lúc nảy.

Chỉ chừng vài chục phút sau, sáu chiếc xe từ từ ngừng lại trước trạm. Chú bò vàng này lại hất đầu chỉ tôi lên chiếc xe đầu tiên…" (Trích, Đặc San số 5 Nguyễn Công Trứ trang 194, 195).

Anh đã lập nên một kỳ tích. Anh lại đã thoát khỏi lao tù nhỏ để cùng gia đình chuẩn bị vượt thoát khỏi nhà tù lớn là đất nước Việt Nam dưới sự cai trị độc ác của Cộng Sản. Đến khoảng cuối năm 1983 và đầu năm 1984, gia đình anh định vượt biển bằng tàu lớn ở bến Phạm Thế Hiển, gần cầu chữ Y, Sài Gòn. Gia đình anh đi trên một chiếc thuyền nhỏ để lên tàu lớn. Thuyền của gia đình anh bị trở ngại, chưa lên tàu được thì chiếc tàu lớn đã bị công an Cộng Sản xả súng, bắn chìm … Hàng trăm ông bà già, đàn bà, trẻ con… chết la liệt trên sông.

Dưới ánh sáng lờ mờ của đèn đường, nước của dòng sông cũng đỏ ngòm, máu của người dân vô tội. Thuyền chở gia đình anh vội vàng đổi hướng quay trở lại Sài Gòn, đến cầu Rạch Chiếc hay Rạch Đĩa, một mình anh lặng lẽ lên bờ, vừa bước lên vệ đường, quần áo còn dính đầy bùn thì một chiếc xe xích lô dừng lại trước mặt anh… Người phu xe dỏng dạc bảo:

- Ê, lên xe đi, mày!

Bạn Hồng an tâm, lặng lẽ bước lên xe. Người phu xích lô già, gầy gò, áo quần tơi tả cố gắng điều khiển chiếc xe chạy thật nhanh để mau trà trộn vào đám đông. Hóa ra người phu xích lô kia là Triết, cùng khóa của Hồng. Thật may mắn, Hồng đã được người bạn cùng khóa sẵn sàng giúp đỡ, bao bọc trong lúc gian nguy. Nghe câu chuyện về một ông già râu tóc muối tiêu chở một kẻ đói cơm, da bọc xương tìm đường vượt biên thất bại, bị công an Cộng Sản truy lùng đang tìm đường thoát thân thì làm sao chúng ta cầm được nước mắt.

Khi được hưởng không khí tự do, gặp nhau trong ngày họp Khóa, Triết cười và nói thật lớn:

- Ê, Hồng trả tiền cuốc xích lô đi chứ?

- Nhất định không trả. Tao muốn giữ mãi ân tình Khóa 20 trong tim. Nhất định không trả, mày làm chi tao?

Bạn Hồng vui vẻ trả lời.

Họ ôm chầm lấy nhau mà lòng tràn đầy niềm vui sướng. Khóe mắt của họ long lanh chứng tỏ họ đang xúc động. Hạnh phúc lẫn tự hào dâng trào lên cả tâm can vì họ đã cùng nhau chia xẻ những đắng cay trong lao tù hoặc những gian nan, nguy hiểm trên chiến trường lửa đạn…

Khi ở trong ngục tù của cộng nô, họ vẫn không bao giờ khuất phục những kẻ bán nước, tay sai ngoại bang. Họ sẵn sàng chấp nhận nguy hiểm kể cả việc phải hy sinh tính mạng để tìm tự do.

Tận biên giới phía Bắc, những người tù bất khuất như Trần Tấn Hòa, Đặng Quốc Trụ, Vương Mộng Long… vào đến đất địa linh, nhân kiệt thì có Nguyễn Tâm Miên… xuống tận miền Nam thì cũng có Vũ Tuấn Việt, Nguyễn Cao Nghiêm, Phạm Văn Hồng, Nguyễn Ngọc Thạch... vượt ngục rồi tìm đường vượt biên.

Anh Thạch đã áp dụng bài học thoát hiểm mưu sinh của đầu đời binh nghiệp một cách xuất sắc để mưu tìm tự do. Trại tù Tống Lê Chân nằm giữa núi rừng, có nhiều lớp hàng rào tre, dây kẽm gai bao bọc, lại do bọn công an canh gác vô cùng nghiêm ngặt. Anh và hai người bạn quyết định vượt ngục. Chiều đến, anh đem tặng cho bạn Lương Văn Thìn K20, mấy gói mì ăn liền để làm quà chia tay.

Đêm đầu tiên, kế hoạch phải hoãn lại vì bọn công an đi bắt cá ở dòng suối trên đường vượt ngục. Hôm sau, ngày 4 tháng 6 năm 1980, trời tối, 3 tù nhân bò đến hàng rào tre, đang đào đất để chui qua thì lại có thêm 2 tù nhân theo sau… cùng vượt ngục. Họ phải vượt qua 3 lớp rào dây kẽm gai nữa mới thoát ra khỏi trại. Họ đã chuẩn bị kềm "tự chế" cắt dây kẽm gai. Vượt qua khỏi 3 lớp rào kẽm gai lại vượt qua được con suối, họ vội vã băng vào rừng rậm thì những tràng đạn đại liên, thượng liên

nổ liên hồi.

Sau này, họ mới biết một toán vượt ngục khác đã bị bại lộ. Anh vô cùng thận trọng áp dụng kiến thức của bài học thoát hiểm mưu sinh đầu đời binh nghiệp lẫn những kinh nghiệm máu xương trên chiến trường. Sau mấy ngày đêm băng rừng, lội suối về đến Quốc Lộ 13, anh đề nghị mọi người phân tán, mỗi người nên tìm đường về với gia đình hoặc thân nhân. Anh đã về với gia đình ở Sài Gòn. Anh tìm đường vượt biển để xa rời loài quỷ đỏ nhưng khả năng tài chánh của gia đình quá eo hẹp.

Thiếu Tá Phạm Văn Hồng, tại phi trường Tân Sơn Nhất, 1974

Một dịp may đã đến, hai người bạn muốn vượt biên sẽ theo đoàn xe của Cộng quân chở chiếu cho bộ đội Cộng Sản Bắc Việt ở Kumpuchia, mà sau đó, đoàn xe sẽ đến hải cảng Kampong Som nhận hàng để chở về Việt Nam. Anh Thạch đã theo đoàn xe này rồi vào trong hải cảng Kampong Som, tức Sihanoukville một cách an toàn. Anh thấy chiếc thương thuyền Pep Star cặp bến lúc xế chiều. Lần mò, anh được biết tàu này là của Đan Mạch., mà công nhân bắt đầu lên xuống theo chiếc cầu thang cập bên hông. Nơi đây, có một tên công an mang AK47 và một tên mang K54 kiểm soát người lên, kẻ xuống. Đêm nay, phu sẽ bốc xong hàng hóa, sáng mai tàu sẽ rời bến. Lợi dụng bóng đêm, anh tiến gần đến chân cầu thang:

"*Bỗng dưng, trời xui đất khiến hai tên công an rời vị trí*

bước vô trong ca bin tàu. Tôi vụt chạy lên tàu tức khắc kéo theo Long và Nghĩa. Khi lên được trên tàu, chúng tôi chạy băng qua bên kia thành tàu và tìm chỗ ẩn trốn…

… ở bên dưới là buồng máy, có một lỗ tròn vừa người chun vô, tôi liền thử chui vô rồi kéo Long và Nghĩa vô theo…" (Trích Đặc San 5, Nguyễn Công Trứ trang 229).

Tuy nhiên, đây chưa phải là chỗ ẩn núp an toàn, vì trước khi tàu rời bến thì công an hoặc thủy thủ đoàn sẽ kiểm soát tàu một lần cuối. Anh Thạch và hai người bạn cẩn thận di chuyển đến một đống gỗ ở ngay mũi tàu rồi chui vào trong, xong họ "*kéo thanh gỗ đậy lại, trông giống như cũ, không có dấu vết khả nghi*"…

Khoảng 6 giờ sáng, các thủy thủ đi kiểm soát trước khi tàu rời bến đã dùng đèn pin "quét" một vệt sáng lên đống gỗ… Khoảng nửa giờ sau, còi tàu hụ 3 tiếng báo hiệu tàu sắp rời bến. Đến gần tối, anh Long say sóng, mửa liên hồi. Thạch đành phải lên trình diện vị thuyền trưởng để xin giúp đỡ*:*

"Thấy tôi vừa bước chân vào phòng hoa tiêu, ông ta nổi giận, dậm chân đùng đùng, bấm còi báo động. Ông hỏi tôi là ai, vô đây làm gì? Tôi liền trả lời tôi là sĩ quan Việt Nam vượt ngục từ trại tù ở Việt Nam sang Kumpuchia và xuống tàu đêm qua. Tôi xin được tị nạn… Tôi xin ông một điều là nếu ông không cho tôi tị nạn thì xin ông thả tôi xuống biển chứ đừng gọi tàu tuần đến bắt tôi, vì họ sẽ giết tôi." (Trích, Đặc San số 5 Nguyễn Công Trứ, trang 232).

Anh Thạch bảo còn 2 người nữa đang trốn ở trong đống gỗ, trước mũi tàu. Long, Nghĩa xuất hiện với mặt mày xanh xao, tiều tụy, áo quần lem luốt đầy dầu máy. Trông họ thật thảm não! Vị thuyền trưởng cảm động vô cùng khi hiểu rõ câu chuyện. Ông tức khắc liên lạc với công ty và 3 người được chấp nhận hưởng quyền tị nạn, trong lúc thương thuyền đang còn ở trong hải phận Việt Nam. Anh Thạch đã tìm được tự do. Tối hôm sau, tàu tiến vô hải cảng Singapore, nơi đây phái

đoàn Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đã đến phỏng vấn và chấp thuận cho 3 người được hưởng quy chế tị nạn chính trị.

Chỉ sau 22 ngày vượt ngục tù đầy nguy hiểm ở trại Tống Lê Chân, đến ngày 27 tháng 6 năm 1980, anh Thạch đã tìm được tự do. Hôm sau, nhờ có 20 đô la mà các thủy thủ trên thương thuyền tặng, anh ra bưu điện gởi ngay một điện thư về cho vợ, con thật ngắn, gọn:

- "*Đã giải phẫu xong. Bình an.*"

Bốn ngày sau, gia đình nhận được tin vui vì biết anh đã đến vùng đất tự do an toàn.

Nhưng không phải những người ra đi tìm tư do luôn thành công. Nguyễn Văn Sử, Vũ Tiến Tường… nhất định không sống chung với bọn CS, tìm đường vượt biên rồi chẳng bao giờ được gặp lại gia đình, bạn bè. Phải chăng, hình hài của họ đã chôn sâu ở trong rừng núi hoang vu hay dưới lòng đại dương giá buốt?

Những bạn đầu tiên, thoát ra khỏi nhà tù Việt Nam trong những ngày đầu của biến cố 30 tháng 4 năm 1975, dù hoang mang, lạc lõng nơi xứ lạ quê người, đã thể hiện tình đồng khóa với một tình nghĩa nồng nàn, đậm đà bao la với các bạn đang bị kẹt lại tại quê nhà.

Trên đất nước tự do, dân chủ, những hạt giống Võ Bị đã đâm hoa thơm rồi kết đầy những trái ngon, ngọt đầy tình người. Chẳng bao lâu sau khi an cư, những bạn ở hải ngoại đã kết hợp Khóa 20 Nguyễn Công Trứ với một vị đại diện khóa điều hành, mà ưu tiên hàng đầu là giúp đỡ các bạn đồng khóa đang bị tù đày tại Việt Nam. Đại diện khóa đề nghị mọi người đóng góp tài chánh, giúp đỡ bạn bè đang còn trong lao tù Cộng Sản, mà người đầu tiên là thương binh Nguyễn Thanh Đức đã được đại gia đình Khóa 20 ở hải ngoại nhiệt tình hưởng ứng. Những món quà tình nghĩa luôn được tuần tự gửi về cho vợ, con các đồng môn ở Việt Nam trong lúc họ đang bị giam cầm, đầy đọa trong các trại lao động khổ sai.

Tiếp đến, thương binh Nguyễn Hữu Thọ, cũng đã để lại một phần cơ thể trên chiến trường An Lộc, vượt biển đến bến bờ tự do, đã tự nguyện hiến tặng hết số tiền vừa nhận được để mua quà gởi về giúp đỡ các gia đình bạn bè ở quê nhà. Số bạn bè nhận quà đã bị bọn công an sách nhiễu, gây khó khăn vì ở Hà Nội cũng có một "Nguyễn Hữu Thọ".

Các món quà tình nghĩa không những đã giúp nhiều gia đình vượt qua được một giai đoạn khó khăn vật chất mà còn là một lời khuyến khích, an ủi nồng nàn đầy tình nghĩa, tạo cho họ một niềm tin, hy vọng về một tương lai tươi sáng hơn.

Khi đến được bến bờ tự do, Khóa 20 luôn ghi nhớ những bạn bè kém may mắn đã nằm xuống trên chiến trường, trong lao tù Cộng Sản, hoặc còn bị kẹt lại tại quê nhà. Bạn Nguyễn Đức Nhị đã trở về với "cõi hư vô" khi còn trong ngục tù của cộng nô ở Phú Thọ, Vĩnh Phú. Theo ước nguyện của anh Nguyễn Đức Ri, muốn tìm hài cốt của anh mình về an táng tại nơi chôn nhau, cắt rốn để tiện hương khói. Khi biết được ước nguyện này, đại diện khóa liền liên lạc với gia đình và xin được đóng góp mọi chi phí. Ban đầu, công việc tìm kiếm mộ phần của người quá cố vô cùng khó khăn nhưng rồi mọi công việc đã tiến hành tốt đẹp. Hài cốt của anh đã về an nghỉ trên một ngọn đồi thoai thoải ở nghĩa trang Gò Cà, Đại Hiệp, Quảng Nam, nơi anh sinh ra và lớn lên. Vong linh của anh kể từ lúc đó có thể nhìn dòng sông Thu Bồn êm ả, núi Đại Lộc xanh ngát cùng những mái nhà tranh, vách đất của thân nhân, bạn bè xưa cũ.

Nhân dịp về thăm gia đình, một quả phụ của khóa đã đến Dòng Chúa Cứu Thế trao $1,000.00 (một ngàn đô la) do một số Cựu SVSQ K20 đóng góp để giúp đỡ họ:

"*Cầm tiền trong tay, Cha Hường rưng rưng nước mắt, nhìn tôi và nói:*

- Năm 1975, con còn nhỏ chưa biết nhiều, nhưng sau này khi lớn lên tìm hiểu, con mới biết được Trường Võ Bị Quốc

Gia Việt Nam là một quân trường nổi tiếng tại vùng Đông Nam Á, nơi đào tạo những sĩ quan hiện dịch có trình độ văn hóa và quân sự cao, có lý tưởng tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ." (Trích, trang 117, Đặc San 5 Nguyễn Công Trứ).

Sau đó, cũng không quên những người dân bất hạnh, chị đã gặp Linh Mục Anton Phan Vũ để trao một số tiền làm quà Tết cho 200 gia đình phong cùi, trẻ mồ côi khuyết tật… Số tiền thật nhỏ của những người lính già, phải xa quê hương nhưng không quên bạn bè, những chiến hữu, đồng bào của mình đang đau đớn, quằn quại ở trong cái nhà tù thật lớn của Cộng Sản Việt Nam.

Ngoài những chiến công oanh liệt và những mất mát ở chiến trường, một số bạn Khóa 20 cũng có những mối tình đầy nhân bản, tuyệt vời! Mối tình thắm thiết, thủy chung của cô giáo Nguyễn Thị Lệ Nga với "*người tù lao động khổ sai*" Trương Đình Hà, Khóa 20... như một câu chuyện thần thoại!

Ra trường, anh Hà chọn binh chủng Biệt Động Quân, được thăng cấp đại úy đặc cách mặt trận vào tháng 8 năm 1969. Sau ngày mất nước, anh bị biệt giam trong trại lao động khổ sai ở Tiên Lãnh, Tiên Phước, Quảng Nam. Những vết trói bằng dây kẽm gai ở tay, vết cùm ở chân, đánh đập của bọn công an vẫn còn hằn sâu trên cơ thể khi anh ra khỏi ngục tù. Vì bị hành hạ, tra tấn vô cùng dã man rồi bị biệt giam quá lâu cho nên anh đã bị bệnh tâm thần.

Người yêu của anh đẹp, duyên dáng, con nhà khá giả lại tốt nghiệp đại học Văn Khoa, một cô giáo thế mà vẫn chờ đợi. Đáng quý hơn, Lệ Nga muốn kết hôn với anh để được săn sóc, điều trị bệnh cho người yêu. Đó là hạnh phúc của nàng. Nàng cũng hiểu chính thảm họa Cộng Sản đã gây nên bao cảnh oan trái, nghiệt ngã cho cả dân tộc này, vì thế nàng đã vượt qua những dèm pha, xuyên tạc đầy hận thù của bọn công an. Một lễ kết hôn thật đơn giản được tổ chức tại tư gia ở Quảng Nam.

Giữa lúc, cô dâu và chú rễ đang trịnh trọng đón quan khách hai họ thì chú rễ "lên cơn…" rồi đi vào phòng nằm ngủ!!! Ông Trương Đình Hiền, thân nhân của chú rể bàng hoàng, xót xa vô hạn. Thế mà, buổi lễ cứ tiếp tục, cô dâu vẫn vui vẻ tiếp đón họ nhà trai và nghi lễ vẫn tiến hành rồi kết thúc tốt đẹp. Họ đã nên duyên vợ chồng.

Với bản chất gian trá của chế độ Cộng Sản, lấy hận thù làm phượng tiện thì hành động của cô dâu khi tỏ ra hãnh diện được làm lễ kết hôn với một cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa bị bệnh tâm thần, là một thách thức, một hành động đáng ngưỡng mộ. Phải chăng quyết định của chị Lệ Nga đã phản ảnh tâm tư, tình cảm đầy nhân bản của những người đã được giáo dục và lớn lên trong chế độ VNCH?

Cuộc sống bên nhau chẳng được bao lâu, bệnh tình trở nên trầm trọng, anh phải vào bệnh viện Biên Hòa điều trị. Chị Lệ Nga cô đơn, hiu quạnh, đớn đau khó tả! Hình bóng của Hà chính là hạnh phúc của mình nên chị thường xuyên đến để an ủi, săn sóc cho anh. Thế rồi một buổi chiều, bất chấp giông bão, mưa gió ngợp trời; bất chấp mọi gian lao, nguy hiểm, chị vẫn đạp xe lên Biên Hòa thăm Hà. Trên đường về, chị bị tai nạn, nằm sóng sượt, mê man bên vệ đường. Mấy hôm sau, chị vĩnh viễn ra đi mà không một lời giã biệt! Chị Lệ Nga ra đi để lại Hà sống trong bơ vơ, đơn côi... trên cõi đời đầy phủ phàng, oan nghiệt. Ôi oan trái!

Khi có chương trình tái định cư cựu tù nhân chính trị với lý do nhân đạo, chính phủ Hoa Kỳ đã nhận và cho bạn Hà đến định cư tại Kansas City, tiểu bang Missouri, Hoa Kỳ. Không có CSVSQ Khóa 20 nào định cư ở khu vực này, nên bạn Nguyễn Thanh Đức, đại diện Khóa đã đến Kansas City, Missouri xin chuyển bạn Hà về một khu điều trị bệnh tâm thần ở Bắc, California để tiện thăm viếng, săn sóc… Các bạn đồng khóa đã tình nguyện, thường xuyên thăm viếng, săn sóc bạn Hà hết sức tận tình, chu đáo như một người thân trong gia đình. Khi viết về bạn Trương Đình Hà, một phu nhân của khóa

đã thổ lộ:

"*Một cái gì đó đang dâng lên bờ mắt, một cái gì đó đang làm nhói con tim. Các anh mang đến cho anh Hà một bát phở gà dai, lòng trứng non. Các anh ngồi, nhìn anh Hà ăn, vẻ mặt như của những người anh đang chăm sóc đứa em của mình, hẳn trong lòng các anh cũng cảm thấy ngon như chính mình đang ăn, có phải vậy không? Rồi khi ngồi cắt móng tay, móng chân cho anh Hà, bằng những dụng cụ thô sơ, bằng sự chân thành của tấm lòng mình, các anh thật sự đã làm tôi khóc đó, anh Tài ạ…*

Tôi thấy mình ghen tị với chồng tôi vì các anh đã có những người bạn tuyệt vời, trên mức tuyệt vời. Các anh đã sống với nhau dưới mái trường Mẹ chỉ vỏn vẹn có hai năm, mà tại sao bây giờ, khi tuổi đời gần thất thập, gặp lại nhau vẫn còn thương mến nhau, lo lắng cho nhau như thuở nào? Thật là kỳ diệu hơn những kỳ diệu khác. Đó phải chăng là Tình Tự Võ Bị như các anh thường nói? Khâm phục, tôi thật khâm phục các anh vô cùng." (Trích, Đặc San Nguyễn Công Trứ, Số 4, Tường Thúy, trang 410).

Hôm nay, tôi ngồi viết những dòng chữ này, hình ảnh một thời quá khứ oai hùng lẫn bi thương, với những kỷ niệm êm đềm khó quên của những người bạn cùng chung dưới mái Trường Mẹ xa xưa, lại hiển hiện trong trí óc tôi. Những chàng trai trẻ ấy đã mang trong người cả một bầu nhiệt huyết, quyết xả thân hoàn thành sứ mệnh Bảo Quốc An Dân mà Tổ Quốc giao phó, quyết tiêu diệt loài quỷ đỏ hầu mang lại sự thanh bình, an lạc cho người dân. Những chiến sĩ can cường ấy là những sĩ quan trẻ xuất thân từ khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.

Thật may mắn, bên cạnh chúng tôi luôn luôn có những người đàn bà tuyệt vời, đầy đủ công, dung, ngôn, hạnh cùng chấp nhận, chia xẻ mọi gian khổ để săn sóc, khuyến khích chúng tôi hoàn thành sứ mạng nặng nề đó, mà ngay cả khi bị

sa cơ thất thế, họ vẫn một lòng thủy chung với chúng tôi cho đến cuối cuộc đời.

Thời thế đổi thay, chúng ta đã mất nước vì gian manh của Cộng nô, lẫn tráo trở của đồng minh. Giờ đây, chúng ta đã kẻ còn, người mất, nhưng mỗi khi có dịp gặp lại nhau, Tình Tự Võ Bị của một thời tâm hồn còn trong sáng ngày xưa, không hề bị vẫn đục bởi hai chữ lợi danh.

Chúng tôi, những người đang bước đi trên cuối đoạn đường đời, xin tâm nguyện giữ trọn lời thề trên Vũ Đình Trường Lê Lợi, cùng Tình Tự Võ Bị của những ngày gian lao trên chiến địa, hoặc trong ngục tù của Cộng nô luôn được trong sáng như xưa.

Chúng ta hãy cùng nhau giữ vững niềm tin về một mai tươi sáng cho đất nước Việt Nam, làm gương cho các thế hệ mai sau.

Virginia, Đầu Xuân 2018.

Chú thích:

1. Phương giác: Góc độ trên la bàn (tính bằng radian) dùng để xác định hướng từ điểm đứng đến vị trí cần đo.

2. Xử dụng viên đạn cuối cùng: Cấp chỉ huy tuẫn tiết bằng một viên đạn của súng lục tại chiến trường để không bị địch bắt sống, khi phòng tuyến của quân ta bị địch quân tràn ngập.

3. Công Trường: Tên của một đơn vị của Cộng quân tương đương cấp sư đoàn của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tiền Đồn 415

Bichson, K26

Sau Hiệp Định Paris vào Tháng 1/1973 Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà sút giảm về vấn đề tiếp vận. Các đơn vị tác chiến khá vất vả về khả năng yểm trợ từ đạn dược, xe cộ đến quân lương. Tuy vậy suốt hai năm sau, Sư Đoàn 2 Bộ Binh trách nhiệm tại khu vực cực Nam của Quân Khu 1 vẫn chơi sang như thường. Cứ xem lính của ba trung đoàn Bộ Binh và một liên đoàn Biệt Động Quân luân phiên trấn đóng Sa Huỳnh thì rõ. Đó là vùng đồi núi sát biển ôm Quốc Lộ 1, Đức Phổ (Quảng Ngãi), cách Tam Quan (Bình Định) chừng 15 cây số, ngăn bởi Đèo Bình Đê với cao độ không quá 100 m. Vắng những tà áo trắng bên dòng sông Lại Giang, Bồng Sơn xa xa đây thì có khác chi những tiền đồn heo hút biên phòng.

Về hướng Tây Sa Huỳnh, Núi Sang là dãy thứ hai trải dài 9 km rộng 5 km theo hướng Bắc Nam. Một vị trí quan trọng là Đồi 415 (tọa độ 880227) cách Quốc Lộ 1 chừng 4 km. Trong vòng vài năm trước Tháng 4/1975, một nửa lính của Sư Đoàn 2 Quyết Thắng từng ngủ trên cao điểm này một tháng. Thông thường chỉ có cấp bậc từ trung úy trở xuống. Quý thẩm quyền, đại bàng cao hơn khó có dịp tới đây để ngắm sương rơi buổi sáng, hay nghe sóng vỗ dạt dào từ mé biển thổi vào. Bốn cây

số, mang danh bộ binh nhưng không thích đi bộ, chỉ thích nhảy xuống hay bốc về bằng trực thăng. Vui nhất là mỗi lần chuyển quân họ được đón chào bằng những tràng đại bác loại nặng từ vùng An Lão - Ba Tơ.

Chiến lợi phẩm tịch thu được của CSBV trong chiến dịch Lam Sơn 719

Sư Đoàn 2 Bộ Binh nổi danh là một đơn vị hắc ám. Vùng hành quân miền núi đầy gai góc, khô cằn, khu vực gần biển thì đất vừa đỏ vừa đen, nắng cháy, bão cát mù trời. Ngoài các quân nhân tình nguyện tại miền hỏa tuyến, nơi đây tiếp nhận tất cả những ai phải trình diện đơn vị mới, đủ mọi binh chủng, hạng dở từ các quân trường, ngoại trừ Lực Lượng Đặc Biệt hoặc lao công đào binh. Đã lên Đồi 415 thì chẳng tay giang hồ nào dám lội bộ rời đơn vị để xuống làng về phố. Đại đội phòng thủ trang bị gấp hai về cấp số đạn dược, kho gạo và nước uống dự phòng đến ba kỳ tiếp tế được cất giữ trong các hầm đá ở trung tâm. Ban ngày, thường có vài toán nhỏ bung rộng tuần thám quanh đồi không ngoài cây số rưỡi.

Một tiểu đoàn chủ lực trải vòng trên các cao điểm 415, 274, 203, Núi Bàu Nú và thung lũng ven con đường chỉ đỏ buồn hiu. Đồi 415 cao hơn tất cả các đỉnh trong vòng yểm trợ của pháo binh, là tiền đồn nhằm "Quyết Tâm Bảo Vệ Sa Huỳnh".

Đây là một đồi trọc, chóp dễ nhận với nhiều tảng đá to, chung quanh cây cỏ không quá thắt lưng. Kinh nghiệm cho biết hễ chỗ nào có đất là có nước, sâu lắm là khoảng vài chục thước thấp hơn. Về phía Đông Bắc, từ đỉnh đổ dốc chừng 500 m có một khe suối nhỏ. Mùa Hè có thể hứng một nón sắt nước trong vòng một phút. Tính ra luân phiên trong ngày đủ cung cấp cho mỗi người được 4 xô để vừa tắm, vừa giặt, nấu nướng, đổ vào bidong, và mang lên đồi dự trữ.

Xuyên qua một thông thủy rậm rạp, dốc đứng, mặc dù cách Đồi 274 chừng 2.4 km nơi mà bộ chỉ huy tiểu đoàn phòng thủ với 2 đại đội, nhưng Đồi 415 trong trường hợp bị tấn công chỉ có cách là đánh tới cùng, tử thủ. Vào năm 1974, khi màn đêm bao phủ thì phía Tây có hằng chục ánh đèn pha xe molotova cứ ẩn hiện lập lờ di chuyển trong đám cây rừng. Tuy vậy, nương theo chiến thắng Sa Huỳnh 73 trước đó, lính tráng trên Đồi 415 vẫn thư thả bên các hốc đá với những ca cafe nóng hổi. Nơi đây không có đồi sim tím, cũng chẳng ai hái hoa bỏ đầy ba lô, nhưng trong lòng mỗi người lính chiến chỉ mong sao đất nước có hoà bình. Rốt cuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh hoàn toàn thua trận, và niềm mơ ước đó đã đi vào hư không.